

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa anh Đ và chị Y.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố số 18, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

Bị đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố số 18, thị trấn TL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị Y đăng ký kết hôn ngày 12/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại thị trấn TL, huyện Hải Hậu. Hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau,

vợ chồng không thể chia sẻ tiếng nói chung, cuộc sống chung vợ chồng nặng nề. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng trở lên trầm trọng hơn. Nay anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy anh Đ đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Anh Đ1, sinh ngày 20/7/2007 và cháu Trần Tiến Đ2, sinh ngày 01/3/2015. Hiện hai con chung đang sống cùng chị Y. Nay ly hôn anh Đ mong muốn chị Y tiếp tục nuôi dưỡng hai con, về trách nhiệm cấp dưỡng anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Y có mặt, anh Đ xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Tại bản tự khai ngày 04/11/2022 và Tại phiên Tòa chị Y trình bày:* chị và anh Đ kết hôn với nhau ngày 12/5/2007, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do từ tháng 8 năm 2022 anh Đ đi chơi về chị Y góp ý nhưng anh Đ chưa thay đổi, vợ chồng không có thời gian để chia sẻ, hiểu và thông cảm cho nhau. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị Y thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa quá lớn và cũng là mong muốn cho các con có một gia đình đầy đủ bố mẹ nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: chị Y khai nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Anh Đ1, sinh ngày 20/7/2007 và cháu Trần Tiến Đ2, sinh ngày 01/3/2015, hiện đang sống cùng chị là đúng. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng nếu buộc phải ly hôn thì chị xin được nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y đề nghị Tòa án buộc anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị theo quy định pháp luật, và tại phiên Tòa, chị Y thay đổi lời khai đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình tố tụng tại tòa án khi anh Đ có đơn yêu cầu giải quyết về ly hôn và con chung chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Tại phiên Tòa chị Y hỏi HĐXX về nguyện vọng muốn giải quyết về tài sản thì phải làm những gì. Sau khi được HĐXX giải thích về quyền yêu cầu khởi kiện, phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, chị Y không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt theo đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 12/5/2007. Vợ chồng chung sống không thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn nặng nề do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ làm đơn xin ly hôn với chị Y. Chị Y không nhất trí ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa lớn và mong muốn gia đình đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ với chị Y, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là trầm trọng, được chính quyền địa phương xác nhận. Bản thân chị Y biết việc anh Đ có đơn xin ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án nhiều lần triệu tập làm việc cũng như tiến hành hòa giải theo quy định pháp luật nhưng chị Y đều vắng mặt không lý do. Mặt khác, anh chị mâu thuẫn nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị Y ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh Đ, chị Y có 02 con chung là cháu Trần Anh Đ1, sinh ngày 20/7/2007 và cháu Trần Tiến Đ2, sinh ngày 01/3/2015. Hiện hai con chung đang sống cùng chị Y. Nay ly hôn anh Đ mong muốn chị Y tiếp tục nuôi dưỡng hai con, chị Y đồng ý với đề nghị của anh Đ. Hai con chung là cháu Đ1 và Đ2 có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng chị Y.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của con chung thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị Y là hoàn toàn chính đáng, chị Y là người khỏe mạnh và có công việc ổn định, hiện nay con chung đang đi học, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị Y xin nhận nuôi con, anh Đ nhất trí nên giao cả hai con chung là cháu Trần Anh Đ1 và Trần Tiến Đ2 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị Y: Qua xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diễn biến tại phiên Tòa thì thấy: Chị Y yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai con với chị là

3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay cả anh Đ và chị Y đều có công việc, thu nhập ổn định, chị Y làm kế toán tại trường tiểu học thị trấn TL; còn anh Đ làm giáo viên thể dục tại trường tiểu học mức lương thu nhập ở mức trung bình, hiện nay bố anh Đ đã chết, anh Đ hiện nay còn mẹ là người cao tuổi không có lương phụ cấp gì, trách nhiệm của anh Đ và chị Y theo quy định của pháp luật là mỗi người phải có trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung, nên nếu anh Đ đồng ý cho chị Y nuôi dưỡng trực tiếp hai con thì anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Y là 1500.000 đồng/tháng/ 2 con là phù hợp, thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên là phù hợp với điều kiện sinh sống tại địa phương và quy định tại các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ, chị Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh Trần Văn Đ phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị Y.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh Đ1, sinh ngày 20/7/2007 và cháu Trần Tiến Đ2, sinh ngày 01/3/2015 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị Y mỗi tháng là 1500.000đ kể từ tháng 3 năm 2023 đến khi con chung thành niên. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện con chung đang sống cùng chị Y).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Trần Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006403 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trần Văn Đ còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định ;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hải Châu;
- Cấp đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng